

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Võ Nhân Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Cao T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Cao T quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M1 (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 01 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp T, xã Đ, huyện M. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi chị sinh con, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm, chia sẻ với chị trong cuộc sống. Kinh tế của vợ chồng không ổn định, phụ thuộc vào cha mẹ chồng nên giữa vợ chồng bất hòa, quan hệ mẹ chồng, con dâu

không tốt. Chị nhiều lần tìm cách để vợ chồng nói chuyện, chia sẻ lẫn nhau nhưng không đạt kết quả. Chị đã về nhà mẹ ruột sống từ năm 2012. Khi về nhà cha mẹ ruột chị thì anh T cũng thường xuyên lên xuống, nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện. Sau đó, chị và anh T sống ly thân luôn cho đến nay. Gia đình cũng có nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng giữa chị và anh T không hàn gắn, đoàn tụ được. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007, đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Cao T vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L. Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Cao T và yêu cầu giao con chung cho chị trực tiếp nuôi nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Cao T có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác

định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần mời anh Nguyễn Cao T đến Tòa để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn anh Nguyễn Cao T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận định: Chị L và anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M1 (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 01 năm 2007. Hôn nhân của anh chị được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, giữa chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Chị L cho rằng anh T không quan tâm, chia sẻ với chị trong cuộc sống. Kinh tế của vợ chồng không ổn định, phụ thuộc vào cha mẹ chồng nên giữa vợ chồng bất hòa, quan hệ mẹ chồng, con dâu không tốt. Chị nhiều lần tìm cách để vợ chồng nói chuyện, chia sẻ lẫn nhau nhưng không đạt kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để tìm cách hàn gắn cho anh chị nhưng anh T không đến, chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị L cho rằng không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh T và kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận định: Trong thời gian chung sống, chị L và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007, đang sống chung với chị L. Hiện nay, cháu K đang có điều kiện sống, học tập, phát triển ổn định và có nguyện vọng sống chung với chị L nếu như chị L và anh T ly hôn. Phía anh T cũng không đưa ra yêu cầu về việc muốn trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: chị L trình bày không có, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không trình bày ý kiến, không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Xét về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Cao T.

Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Kim K, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2007, giao cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày không có, anh T không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000562 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Kim Ngân